



Bài báo nghiên cứu

LIÊN KẾT VỚI DOANH NGHIỆP NHẪM NÂNG CAO TÍNH THỰC TIỄN TRONG ĐÀO TẠO TIẾNG NHẬT THƯƠNG MẠI

Nguyễn Thị Bích Huệ^{*}, Cao Lê Dung Chi², Bùi Đức Anh¹

¹Trường Đại học Ngoại thương, Việt Nam

²Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

*Tác giả liên hệ: Nguyễn Thị Bích Huệ – Email: bichhuejp@ftu.edu.vn

Ngày nhận bài: 18-4-2024; ngày nhận bài sửa: 06-6-2024; ngày duyệt đăng: 20-8-2024

TÓM TẮT

Bài viết này được thực hiện với dữ liệu thu thập từ sinh viên (SV) khoá 59 chương trình chất lượng cao ngành tiếng Nhật thương mại và các bên liên quan tham gia chương trình đào tạo phương thức kinh doanh Nhật Bản được triển khai tại Khoa tiếng Nhật Trường Đại học Ngoại thương. Bài viết tổng hợp phân tích kết quả từ dữ liệu khảo sát sử dụng bảng hỏi dành cho đối tượng SV và cảm tưởng của SV khi tham gia chương trình học, cũng như báo cáo, nhận xét tổng kết của doanh nghiệp và nhà trường. Kết quả cho thấy áp dụng phương pháp tiếp cận mạng lưới xã hội (Social networking approach: SNA) bằng việc liên kết với doanh nghiệp Nhật Bản đã đạt được mục tiêu nâng cao tính thực tiễn trong giảng dạy như nâng cao năng lực vận dụng ngôn ngữ, năng lực hiểu văn hóa, phát triển năng lực xã hội và năng lực liên kết cho SV. Kết quả nghiên cứu này cũng gợi mở để có những đề xuất nhằm nâng cao hiệu quả và hoàn thiện hơn quy trình đào tạo liên kết giữa nhà trường và doanh nghiệp.

Từ khóa: tiếng Nhật thương mại; tính thực tiễn; dạy học theo dự án; liên kết doanh nghiệp

1. Đặt vấn đề

Với quan điểm con người là trung tâm của tất cả các hoạt động, giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực được xem là nhiệm vụ được ưu tiên hàng đầu trong chiến lược phát triển đất nước. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế, công tác giáo dục nhằm đào tạo nhân lực đáp ứng nhu cầu phát triển và hội nhập càng được chú trọng và là vấn đề mang tính cốt lõi. Nghị quyết số 29-NQ/TW đã xác định rõ định hướng “Tập trung dạy cách học, cách nghĩ, khuyến khích tự học, tạo cơ sở để người học tự cập nhật và đổi mới tri thức, kỹ năng, phát triển năng lực. Chuyển từ học chủ yếu trên lớp sang hình thức tổ chức học tập đa dạng, chú ý các hoạt động xã hội, ngoại khóa, nghiên cứu khoa học” (Communist Party of Vietnam, 2013). Đi sâu hơn về hình thức tổ chức học tập, Luật giáo dục đại học sửa đổi năm 2018 đã nêu rõ: “Gắn đào tạo với nhu cầu sử dụng lao động của thị trường, nghiên cứu triển khai ứng dụng

Cite this article as: Nguyen Thi Bich Hue, Cao Le Dung Chi, & Bui Duc Anh (2024). Collaborating with businesses to improve practicality in business Japanese education. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 21(8), 1434-1444.

khoa học và công nghệ; đẩy mạnh hợp tác của giữa cơ sở giáo dục đại học với doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghiệp” (The National Assembly, 2018). Như vậy có thể thấy, việc tổ chức hoạt động dạy và học dưới hình thức liên kết với doanh nghiệp hoặc đơn vị ngoài trường là một trong các phương thức đang được khuyến khích để nâng cao năng lực người học.

Trong giảng dạy tiếng Nhật nói riêng và ngoại ngữ nói chung, Tohsaku (2013) cũng cho rằng hình thành năng lực giao tiếp là mục tiêu của hoạt động dạy và học ngôn ngữ, giáo dục nên hướng tới mục tiêu đào tạo “năng lực giao tiếp mới”, là một trong các năng lực cần phải có để có thể tồn tại trong thế kỉ XXI. Ông cũng cho rằng trong quá trình người học tiếp xúc thực tế, thông qua việc nhận thức thực trạng và tìm cách giải quyết thực trạng, năng lực ngôn ngữ cũng như các kiến thức, năng lực khác sẽ được vận dụng và phát triển toàn diện (Tohsaku, 2017).

Như vậy, có thể nói, việc hình thành năng lực giao tiếp cũng như các năng lực khác được xem là mục tiêu hàng đầu trong dạy và học ngoại ngữ hiện nay, và việc tổ chức các hoạt động dạy và học mang tính liên kết, kết nối với thực tiễn là phương pháp được đề xuất để đạt được mục tiêu này. Nghiên cứu này trình bày kết quả triển khai Chương trình đào tạo phương thức kinh doanh Nhật Bản tại Trường Đại học Ngoại thương theo phương pháp dạy học theo dự án với sự liên kết cùng các doanh nghiệp hàng đầu của Nhật Bản đầu tư vào Việt Nam.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý luận

Trong giảng dạy ngoại ngữ, đã có sự chuyển hướng từ mục tiêu tiếp thu kiến thức về ngôn ngữ sang mục tiêu hình thành kỹ năng giao tiếp. Tuy nhiên, thực tế cho thấy hoạt động giao tiếp không chỉ đòi hỏi khả năng vận dụng ngôn ngữ mà còn cần kết hợp linh hoạt với năng lực nhận biết vấn đề, giải quyết vấn đề... Môi trường học tập trong lớp học phần lớn chỉ đáp ứng mục tiêu hình thành năng lực ngôn ngữ nên để bồi dưỡng năng lực giao tiếp thực sự, người học cần được trải nghiệm môi trường thực tế đa dạng bên ngoài. Đặc biệt, trong dạy và học ngoại ngữ, khi môi trường sống hàng ngày không thuận lợi cho việc tiếp xúc với người sử dụng ngoại ngữ đó một cách thường xuyên, việc chủ động tổ chức hoạt động học tập mang tính trải nghiệm càng nên được quan tâm. Liên quan đến hướng tiếp cận này, “Social networking approach” (Phương pháp tiếp cận mạng lưới xã hội - viết tắt là SNA) (Tohsaku, 2017) đã nhấn mạnh tầm quan trọng của các hoạt động rèn luyện giao tiếp bằng ngoại ngữ mang tính thực tiễn và cho rằng người giảng dạy nên tổ chức các hoạt động học tập vận dụng nội dung bài học trong lớp với thực tế. Lý do là vì SNA cho rằng dưới tác động của khoa học kỹ thuật, tốc độ thay đổi và phát triển của xã hội trong thế kỉ XXI diễn ra nhanh hơn rất nhiều so với xã hội của các thời đại trước. Để có thể nắm bắt và vận dụng hiệu quả tình hình của xã hội, cần có sự kết nối với thực tế và từ đó người học có thể tự mình tập hợp thông tin mới, thúc đẩy quá trình hình thành các kỹ năng mới. SNA cũng đề xuất mục

tiêu trong đào tạo ngoại ngữ là thông qua việc giảng dạy ngôn ngữ và văn hóa, thúc đẩy sự phát triển mang tính toàn diện của người học, nuôi dưỡng các năng lực cần có trong thế kỉ XXI. Tiếp theo đó, SNA cũng nêu mục tiêu cụ thể nhằm hình thành năng lực giao tiếp tổng hợp như Bảng 1 dưới đây.

Bảng 1. Mục tiêu hình thành năng lực giao tiếp

3 lĩnh vực x 3 năng lực + 3 liên kết			
	Ngôn ngữ	Văn hóa	Toàn cầu
Hiểu	Hiểu ngôn ngữ	Hiểu văn hóa	Hiểu đặc trưng và vấn đề mang tính toàn cầu
Vận dụng	Vận dụng được ngôn ngữ đang học	Vận dụng được các văn hóa khác nhau	Vận dụng được các kĩ năng của thế kỉ XXI
Kết nối	Sử dụng được ngôn ngữ đang học để kết nối với người khác	Kết nối với con người từ các nền văn hóa khác nhau	Kết nối với toàn cầu, cống hiến cho xã hội

+

Sự quan tâm, động lực, thái độ và phong cách của người học	Nội dung của học phần khác, kiến thức sẵn có của người học	Con người, sự vật, thông tin bên ngoài lớp học
--	--	--

Nguồn: Tohsaku, 2017

Điểm khác biệt của SNA so với các phương pháp tiếp cận khác là không tập trung vào mục tiêu hình thành kĩ năng sử dụng ngôn ngữ, thay vào đó, xác định mục tiêu hình thành các năng lực vận dụng ngôn ngữ kết hợp với vận dụng các kiến thức, kĩ năng đã thu nhận được từ các môn học khác vào việc tạo ra sự kết nối với môi trường thực tế bên ngoài lớp học. Như vậy, tiếp thu kiến thức và kĩ năng sử dụng ngôn ngữ không phải là mục tiêu của hoạt động học ngoại ngữ mà được xem là phương tiện để đạt mục tiêu hình thành năng lực giao tiếp tổng hợp. Một điểm khác biệt khác của SNA là đề xuất mục tiêu về năng lực “kết nối”, không dừng ở năng lực “hiểu” và “vận dụng” ngôn ngữ. Điều này giúp cho việc xác định đầu ra cũng như định hướng tổ chức hoạt động của quá trình học ngoại ngữ trở nên rõ ràng và hiệu quả hơn. Đa phần các hoạt động dạy và học được tổ chức dưới hình thức mô phỏng trong lớp học, đáp ứng mục tiêu “hiểu” và “vận dụng” các kiến thức ngôn ngữ. Tuy nhiên, môi trường vận dụng trong lớp học không bao gồm các tác động khác như trong thực tế nên không có tác dụng hình thành nên năng lực giao tiếp tổng hợp cũng như các năng lực khác cần có khi tham gia các hoạt động xã hội. Theo SNA, đối tượng “kết nối” trong quá trình vận dụng ngôn ngữ là “người”, “vật”, “thông tin”. Sự kết nối này không chỉ là những kết nối mới mà còn là sự nhìn nhận lại, phát hiện những khía cạnh mới của một đối tượng đã biết. SNA đã chỉ ra 4 mục tiêu của hoạt động kết nối như sau:

- 1) Nâng cao năng lực vận dụng ngôn ngữ;
- 2) Nâng cao năng lực hiểu văn hóa;
- 3) Phát triển năng lực xã hội;
- 4) Nâng cao năng lực liên kết.

Nghiên cứu này áp dụng phương pháp tiếp cận SNA, đề xuất hình thức tổ chức dạy và học tiếng Nhật thương mại thông qua liên kết với các doanh nghiệp Nhật Bản. Mục tiêu giảng dạy được xác định như sau:

- 1) Nâng cao năng lực vận dụng tiếng Nhật;
- 2) Nâng cao khả năng hiểu và lí giải văn hóa môi trường làm việc trong doanh nghiệp Nhật Bản;
- 3) Phát triển các năng lực xã hội như kĩ năng giao tiếp, kĩ năng phát hiện và giải quyết vấn đề, kĩ năng làm việc nhóm, kĩ năng tự học;
- 4) Nâng cao động lực, thái độ của người học và liên kết kiến thức.

2.2. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu

Đối tượng của nghiên cứu là các bên tham gia chương trình đào tạo phương thức kinh doanh Nhật Bản, liên kết với doanh nghiệp triển khai tại Khoa tiếng Nhật Trường Đại học Ngoại thương từ tháng 8 năm 2022 đến tháng 12 năm 2023. Đối tượng thứ nhất là SV khoá K59 chương trình chất lượng cao, chuyên ngành tiếng Nhật thương mại với 100% SV đạt trình độ từ N3 trở lên; trong đó có 71,4% SV đạt trình độ N2; 21,4 % SV đạt trình độ N1. Đây là đối tượng thụ hưởng chính của chương trình đào tạo. Đối tượng thứ hai là các doanh nghiệp hàng đầu của Nhật Bản, đầu tư vào Việt Nam tham gia chương trình đào tạo. Đối tượng thứ ba là nhà trường và khoa Tiếng Nhật, đơn vị trực tiếp xây dựng và triển khai chương trình đào tạo.

Nghiên cứu này được thực hiện với dữ liệu khảo sát bằng bảng hỏi được gửi tới SV thông qua Google form với thời gian thực hiện từ 15/12/2023 đến 31/12/2023. Trong phiếu khảo sát, câu hỏi có các phương án lựa chọn cho sẵn và có câu hỏi để SV có thể viết câu trả lời, nêu lên cảm tưởng và nhận xét. Số lượng câu trả lời thu về là 14/19 SV, đạt 73,7 %. Ngoài ra, nghiên cứu còn thu thập nhận xét từ các doanh nghiệp và báo cáo, định hướng hoạt động của nhà trường trong lễ tổng kết chương trình được tổ chức vào tháng 3/2024.

Nghiên cứu này thực hiện bằng phương pháp nghiên cứu định tính, tổng hợp phân tích dữ liệu từ các nguồn dữ liệu đã mô tả trên đây.

2.3. Kết quả nghiên cứu

2.3.1. Khái lược về chương trình đào tạo liên kết với doanh nghiệp

Triết lí đào tạo nguồn nhân lực tiếng Nhật của Trường Đại học Ngoại thương là đào tạo nguồn nhân lực có tính trung thực, năng lực sáng tạo và có tinh thần trách nhiệm bằng phương pháp giáo dục gắn với thực tiễn, hướng tới giáo dục khai phóng. Chương trình Đào tạo Phương thức kinh doanh Nhật Bản kết nối với doanh nghiệp đã được xây dựng nhằm mục đích đào tạo nguồn nhân lực tiếng Nhật chất lượng cao không chỉ có sự hiểu biết sâu sắc về tiếng Nhật thương mại và kinh doanh quốc tế với điểm nhấn là phương thức kinh doanh Nhật Bản mà còn trau dồi những kĩ năng cần thiết của người đi làm trước khi gia nhập thị trường lao động.

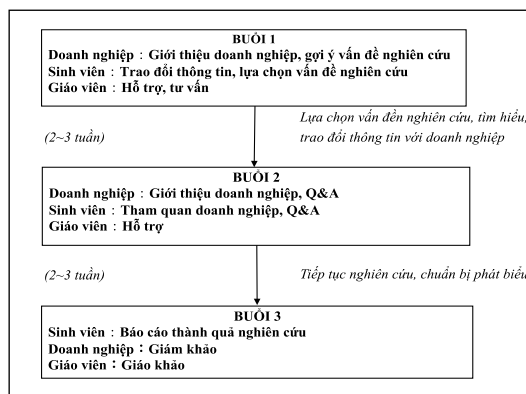
Chương trình được triển khai giảng dạy dưới hình thức dạy học theo dự án với sự tham gia đào tạo từ 8 công ti hàng đầu của Nhật Bản hoạt động đa dạng trong các lĩnh vực khác nhau như thương mại, dịch vụ, tài chính, sản xuất, xây dựng, bất động sản, hàng không, IT... Phần đào tạo của mỗi công ti được lên kế hoạch gắn với 1 học phần tiếng Nhật chuyên ngành với chủ đề giảng dạy được xây dựng vừa phù hợp với môn học vừa phù hợp với lĩnh vực hoạt động và thế mạnh hoạt động của công ti. Thời lượng triển khai là 3 buổi (3 tiết) học trên tổng số 18 buổi học của mỗi học phần. Lớp học được chia thành 4 nhóm, mỗi nhóm gồm 4 đến 5 SV tham gia dự án.

Buổi 1: Đại diện doanh nghiệp thuyết giảng với SV theo chủ đề đã được thống nhất đồng thời giới thiệu với SV về các vấn đề mà hiện nay doanh nghiệp đang phải đối mặt, gợi ý các vấn đề nghiên cứu dành cho SV. Các gợi ý thường là những vấn đề thực tế doanh nghiệp đang gặp phải và cần đưa ra đề xuất giải quyết. Khoảng cách thời gian từ buổi học 1 đến buổi học 2 là khoảng 3 tuần. Trong thời gian này, các nhóm SV sẽ tiến hành trao đổi với người phụ trách của doanh nghiệp để làm rõ những vấn đề còn thắc mắc hoặc yêu cầu doanh nghiệp cung cấp thêm các thông tin cần thiết liên quan đến vấn đề nghiên cứu. Việc trao đổi này được tiến hành qua email và sử dụng tiếng Nhật.

Buổi 2: SV tới tham quan, khảo sát thực tế tại doanh nghiệp dưới sự hướng dẫn của giáo viên phụ trách. SV được tham quan nhà máy, văn phòng của doanh nghiệp, tham quan dây chuyền sản xuất, gặp gỡ, trao đổi với các nhân viên trong doanh nghiệp để tìm hiểu cụ thể hơn về các hoạt động thực tế của doanh nghiệp. Nhờ đó, SV có cơ hội xác nhận thông tin, đào sâu phân tích những vấn đề mà SV chưa nắm bắt được đầy đủ tại buổi học 1.

Buổi 3: Buổi học này được sắp xếp cách buổi học 2 khoảng 2 đến 3 tuần. Trong buổi học này, các nhóm phát biểu kết quả nghiên cứu, đề xuất giải pháp cho doanh nghiệp. Giáo viên phụ trách và đại diện doanh nghiệp chấm điểm phần phát biểu và bài báo cáo của các nhóm theo tiêu chí đã được thống nhất trước giữa hai bên. Điểm được tính thành một phần kết quả kiểm tra giữa kì.

Nội dung chi tiết của mỗi buổi học được mô tả như Hình 1 dưới đây:



Hình 1. Trình tự tiến hành các buổi học

Nguồn: Nhóm tác giả xây dựng

2.3.2. Kết quả

- **Nâng cao năng lực vận dụng ngôn ngữ**

Kết quả khảo sát SV cho thấy 78,6% SV đồng ý rằng trình độ tiếng Nhật được cải thiện khi tham gia chương trình đào tạo kết hợp với doanh nghiệp. Trong đó, kỹ năng nói và thuyết trình bằng tiếng Nhật được cải thiện nhiều nhất với tỉ lệ câu trả lời đồng ý lên tới 92,8%. Tiếp đến là các kỹ năng nghe hiểu, viết báo cáo bằng tiếng Nhật và đọc hiểu với tỉ lệ đồng ý là lần lượt là 78,8; 71,4% và 42,9%.

Trong phiếu trả lời khảo sát, thu được những câu trả lời như sau: “Em thấy các bài giảng đều rất hữu ích. Em đã học được nhiều điều mới và được nâng cao kỹ năng thuyết trình và khả năng nói tiếng Nhật của mình.”, “Chuỗi bài giảng với doanh nghiệp đã cung cấp cho em rất nhiều kiến thức hữu ích cũng như giúp em nâng cao trình độ tiếng Nhật của mình”, “... Khả năng nói và diễn thuyết của chúng em được cải thiện rất nhiều ạ...”, “...Đồng thời em có cơ hội được trau dồi khả năng tiếng Nhật chuyên ngành thông qua quá trình làm bài tập, thuyết trình, làm việc nhóm...”.

Từ phía doanh nghiệp hợp tác giảng dạy, ông K, tổng giám đốc công ty thương mại đã chia sẻ: “... Khả năng thuyết trình của các em SV rất tốt, có đề xuất đa dạng, về phía công ty chúng tôi cũng học hỏi được nhiều điều bổ ích...”. Ông S, phó tổng giám đốc hãng hàng không nổi tiếng của Nhật Bản chia sẻ: “...Nội dung bài báo cáo thuyết trình của các nhóm thật tuyệt vời, thật khó để có thể chọn ra một nhóm xuất sắc nhất để trao giải thưởng”.

Như vậy, có thể thấy, thông qua chương trình đào tạo kết hợp với doanh nghiệp, SV không chỉ hiểu được tiếng Nhật chuyên ngành mà còn sử dụng tiếng Nhật chuyên ngành để viết báo cáo, thuyết trình bằng tiếng Nhật. Hơn thế nữa, SV còn sử dụng tiếng Nhật để trao đổi, kết nối với các giám đốc, cán bộ nhân viên người Nhật ở các công ty. Có thể nói, ở khía cạnh vận dụng ngôn ngữ, SV đã có thể sử dụng tiếng Nhật nói chung và tiếng Nhật chuyên ngành để kết nối với người Nhật trong bối cảnh môi trường kinh doanh thực tế.

- **Nâng cao năng lực hiểu văn hóa**

Kết quả khảo sát SV có những ý kiến như sau “Đây là một cơ hội tốt để em được tiếp xúc với những doanh nghiệp lớn của Nhật Bản ở những ngành nghề khác nhau. Em đã học hỏi được rất nhiều điều nên em cảm thấy rất biết ơn và lấy đó làm động lực để tiếp tục phát triển”; “Em cảm thấy mình được hiểu sâu hơn về cách thức vận hành doanh nghiệp của các doanh nghiệp Nhật Bản. Em học hỏi được tác phong làm việc chuyên nghiệp, chín chu cũng như cách mà họ thâm nhập một thị trường mới không phải Nhật Bản mà tạo dựng được vị thế trên thị trường đó. Vì vậy, em cảm thấy rất biết ơn Khoa đã tạo ra những giờ học có giá trị như vậy để em có những kiến thức thực tế.”; “Em cảm thấy chuỗi bài giảng rất thú vị, cung cấp nhiều thông tin về các doanh nghiệp Nhật Bản và những kiến thức liên quan trực tiếp đến môn học. Đồng thời, em có cơ hội được trau dồi khả năng tiếng Nhật chuyên ngành thông qua quá trình làm bài tập, thuyết trình, làm việc nhóm...”; “Thông qua những thảo luận

về phương thức kinh doanh của doanh nghiệp Nhật Bản, chúng em đã hiểu được cách học phù hợp với môi trường làm việc, sự quan trọng của những kỹ năng phù hợp với xã hội toàn cầu hóa”, “ Khi đi tham quan doanh nghiệp, chúng em được gặp các anh chị cựu học sinh, được các anh chị chia sẻ nhiều thông tin hữu ích về cuộc sống và con đường sự nghiệp trong tương lai”...

Về phía doanh nghiệp, đại diện doanh nghiệp điều phối chương trình, ông K, thống đốc ngân hàng M chia sẻ: “Tôi rất vui vì qua chương trình này, các em SV có thêm những hứng thú và quan tâm đến doanh nghiệp của Nhật Bản, được nghe bài giảng các giám đốc doanh nghiệp trực tiếp giảng dạy, có lẽ các em cũng thấy được chiến lược kinh doanh cùng những cống hiến của các doanh nghiệp Nhật Bản cho cộng đồng. Tôi hi vọng những gì các em học hỏi được qua chương trình giảng dạy sẽ là hành trang tốt để phát triển sự nghiệp sau này của các em”.

Về phía khoa Tiếng Nhật, bà Trần Thị Thu Thủy, Trưởng Khoa Tiếng Nhật phát biểu “Vói từ khóa “Phương thức kinh doanh Nhật Bản” và “Tu duy của doanh nghiệp Nhật Bản”, SV được tiếp xúc với những bài giảng chân thực từ các nhà quản lý doanh nghiệp Nhật Bản và hiểu được cách suy nghĩ cũng như giá trị quan của họ. Đặc biệt, SV có cơ hội được nghe những câu chuyện về triết lý kinh doanh, chiến lược kinh doanh và dự đoán về xu hướng của ngành mà chỉ có các nhà điều hành mới có thể giải thích được. Thông qua việc thảo luận và thuyết trình về những nội dung được các nhà quản lý doanh nghiệp truyền đạt, SV có cơ hội trình bày quan điểm, cách suy nghĩ của giới trẻ Việt Nam với các nhà quản lý doanh nghiệp Nhật Bản và tiếp nhận những phản hồi từ họ. Đây là cơ hội thực tiễn quý giá dành cho những SV sẽ trở thành những doanh nhân trong tương lai.” (Ha An, 2024)

Có thể thấy, thông qua chương trình đào tạo kết nối này, SV hiểu được tiếng Nhật chuyên ngành, tiếng Nhật giao tiếp kinh doanh trong bối cảnh được quan sát, tiếp xúc, sử dụng trực tiếp với các doanh nghiệp của Nhật Bản khi doanh nghiệp tham gia giảng dạy tại trường, trong các buổi tham quan thực tế tại các doanh nghiệp và bằng email, trong buổi báo cáo và thuyết trình và lắng nghe ý kiến đóng góp của doanh nghiệp để phát hiện và đề xuất các phương án giải quyết vấn đề. Như vậy, ở khía cạnh nâng cao năng lực hiểu văn hóa, chúng ta thấy SV có thể hiểu bối cảnh giao tiếp, sử dụng được đúng tiếng Nhật trong bối cảnh môi trường văn hóa doanh nghiệp, kết nối được với doanh nghiệp. Xây dựng mối quan hệ với doanh nghiệp hướng tới phát triển con đường sự nghiệp của mình trong tương lai.

- **Phát triển năng lực xã hội**

- a) **Kỹ năng giao tiếp**

Kết quả khảo sát SV cho thấy kỹ năng giao tiếp của SV được cải thiện đáng kể. 85,7% SV đồng ý rằng kỹ năng giao tiếp của mình được nâng cao sau khi tham gia chương trình học.

- b) **Kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề**

Kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề cũng được nâng cao sau khi SV tham gia chương trình học. Có 71% SV trả lời đồng ý rằng kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề của mình

được nâng cao. Ngoài ra, SV cũng có những chia sẻ: “Sau khi kết thúc chuỗi bài giảng, em thấy kỹ năng mềm của bản thân được cải thiện rất nhiều, đặc biệt trong việc phát hiện và giải quyết vấn đề”.

c) Kỹ năng làm việc nhóm

So với các kỹ năng khác thì kỹ năng làm việc nhóm được nâng cao nhiều nhất. 100% SV trả lời rằng kỹ năng làm việc nhóm của mình được nâng cao, trong đó có tới 28,6% SV rất đồng ý với điều này.

d) Kỹ năng tự học

Một trong những kỹ năng khác hết sức quan trọng của người đi làm trong thế kỉ XXI là kỹ năng tự học. Thông qua chương trình, kỹ năng tự học của SV cũng được nâng cao đáng kể. Có tới 92,8% SV đồng ý rằng kỹ năng tự học được nâng cao sau khi tham gia chương trình học.

Bên cạnh đó, SV cũng chia sẻ: “Em cảm thấy mình có thêm cơ hội tiếp thu nhiều kiến thức vì đề tài mà các doanh nghiệp đưa ra vô cùng đa dạng, đòi hỏi SV khi làm bài cần đầu tư thời gian nhiều vào việc nghiên cứu cũng như tìm đọc nhiều nguồn tài liệu”.

• **Nâng cao động lực và thái độ của người học và liên kết kiến thức**

a) Nâng cao động lực và thái độ của người học

Chương trình đào tạo liên kết với doanh nghiệp được SV đánh giá 100% là hữu ích, trong đó có 14,3% SV cho rằng rất hữu ích. Cũng có lẽ vì vậy mà 85,7% các em đều cảm thấy hứng thú với bài giảng.

b) Liên kết kiến thức

SV chia sẻ rằng “Các doanh nghiệp tham gia vào chương trình giảng dạy đến từ nhiều ngành nghề, lĩnh vực khác nhau và đều là các doanh nghiệp trụ cột của nền kinh tế. Thông qua chương trình, chúng em nhìn nhận vấn đề kinh tế ở tầm vĩ mô hơn và điều này giúp chúng em có thể đào sâu thêm kiến thức chuyên môn và lựa chọn công việc trong tương lai”.

Về phía nhà trường, ông Bùi Anh Tuấn, Hiệu trưởng Trường Đại học Ngoại thương chia sẻ trong lễ tổng kết chương trình đào tạo: “Những bài giảng này không chỉ là kiến thức sách vở, mà trên hết là những kinh nghiệm, những chia sẻ thực tiễn nhất đến từ các doanh nghiệp hàng đầu Nhật Bản, giúp SV được tiếp cận và nhìn nhận thế giới công việc một cách rộng mở hơn, tự tin hơn, nhiệt huyết hơn.” (Nguyen, 2024). Bà Phạm Thu Hương - Phó Hiệu trưởng nhận định: “Chương trình đào tạo Phương thức kinh doanh Nhật Bản đã góp phần quan trọng trong việc thúc đẩy giáo dục gắn kết với thực tiễn, hướng tới giáo dục khai phóng, giúp cho SV thật sự thấm nhuần được tinh thần “lấy con người làm trung tâm” trong mọi tư duy và phương thức kinh doanh Nhật Bản” (Vy Anh, 2024). Nhà trường mong muốn mở rộng cho SV toàn trường tham gia bên cạnh đối tượng chính là SV tiếng Nhật thương mại, mở rộng và đẩy mạnh áp dụng phương pháp dạy học theo dự án (Project-Base-Learning) có sự kết hợp của doanh nghiệp Nhật Bản không chỉ với các học phần của khoa Tiếng Nhật mà còn với các học phần của các lĩnh vực đào tạo mới như công nghệ, sức khỏe và truyền thông.

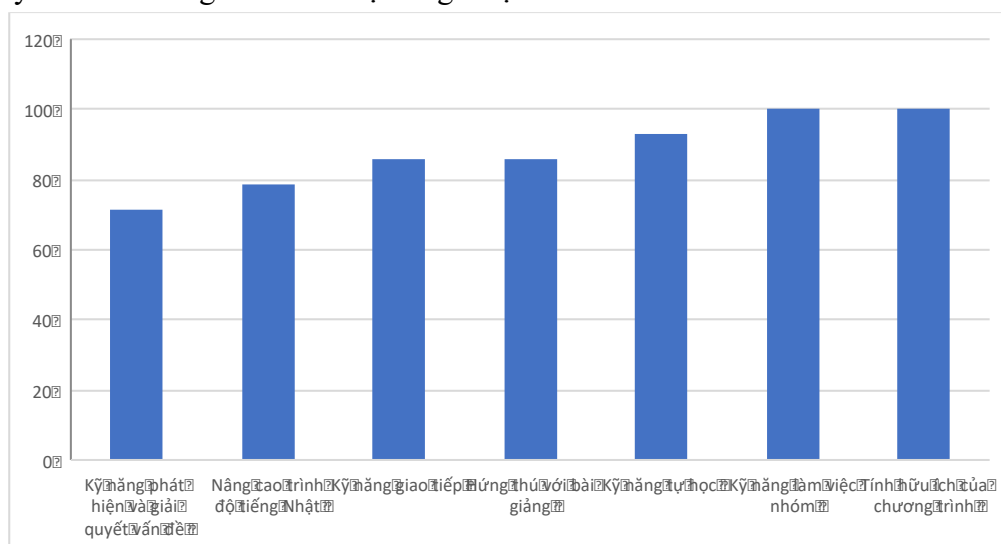
Như vậy, chương trình đào tạo kết hợp với doanh nghiệp không chỉ giúp SV khoa Tiếng Nhật kết nối kiến thức giữa các môn học mà còn mở rộng kết nối giữa các chương trình và hình thức giảng dạy khác trong trường, giúp cho chương trình giảng dạy hướng tới đạt mục tiêu gắn kết với thực tiễn, hướng tới giáo dục khai phóng của Nhà trường.

2.3.3. Thảo luận

Áp dụng phương pháp tiếp cận SNA, đề xuất hình thức tổ chức dạy và học tiếng Nhật thương mại thông qua liên kết với các doanh nghiệp Nhật Bản tại Trường Đại học Ngoại thương về cơ bản đã đạt được các mục tiêu giảng dạy:

- 1) Nâng cao năng lực vận dụng tiếng Nhật;
- 2) Nâng cao khả năng hiểu và lí giải văn hóa môi trường làm việc trong doanh nghiệp Nhật Bản;
- 3) Phát triển các năng lực xã hội như kĩ năng giao tiếp, kĩ năng phát hiện và giải quyết vấn đề, kĩ năng làm việc nhóm, kĩ năng tự học;
- 4) Nâng cao động lực, thái độ của người học và liên kết kiến thức.

Tuy nhiên, phân tích kết quả khảo sát SV, chúng ta có thể thấy một số mục tiêu đã đạt kết quả cao nhưng cũng có những mục tiêu có thể đạt hiệu quả cao hơn nữa nếu có những cải tiến, điều chỉnh phù hợp. Hình 2 tổng hợp mức độ đạt được của các mục tiêu. Có thể thấy kĩ năng làm việc nhóm và tính hữu ích của chương trình đạt được 100%, kĩ năng tự học được nâng cao với 92,8 % SV đồng ý, kĩ năng giao tiếp và hứng thú với bài giảng cùng đạt 85,7%. Nâng cao trình độ tiếng Nhật mới chỉ đạt 78,6 %, kĩ năng phát hiện và giải quyết vấn đề đạt 71,4%. Như vậy, nếu có những cải tiến phù hợp cho những lần thực hiện tiếp theo, chương trình có thể chú trọng những đề xuất và biện pháp để nâng cao hơn nữa kĩ năng phát hiện và giải quyết vấn đề cũng như trình độ tiếng Nhật cho SV.



Hình 2. Tổng hợp mức độ đạt mục tiêu

Nguồn: Khảo sát SV

Bên cạnh đó, để triển khai chương trình, phía giảng viên điều phối cũng gặp nhiều khó khăn về thời gian điều phối trước bối cảnh số giờ giảng dạy và nghiên cứu khoa học nhiều. Đồng thời, ban điều phối cũng nhận thấy có sự không đồng đều trong cách thực thi giữa các giảng viên phụ trách các học phần khác nhau trong chương trình. Vì vậy, để chương trình đạt được hiệu quả cao hơn nữa, cần có những cải tiến trong phương thức điều phối và có sự thống nhất trong cách triển khai giữa các học phần.

3. Kết luận

Đối với việc đào tạo ngôn ngữ, nếu chỉ dừng lại ở mục tiêu tiếp thu kiến thức về ngôn ngữ như từ vựng, ngữ pháp thì có lẽ chưa đủ, mà cần hướng đến mục tiêu đào tạo các kỹ năng cần thiết của người đi làm ở thế kỷ XXI. SNA là phương pháp tiếp cận giảng dạy ngôn ngữ hướng tới mục tiêu hình thành các năng lực vận dụng ngôn ngữ kết hợp với vận dụng các kiến thức, kỹ năng đã thu nhận được từ các môn học khác vào việc tạo ra sự kết nối với môi trường thực tế bên ngoài lớp học. Với mong muốn thúc đẩy giáo dục gắn kết với thực tiễn, hướng tới giáo dục khai phóng, khoa Tiếng Nhật Trường Đại học Ngoại thương đã triển khai chương trình liên kết với doanh nghiệp đào tạo phương thức kinh doanh Nhật Bản theo cách tiếp cận SNA. Kết quả khảo sát các bên liên quan tham gia chương trình đào tạo và phân tích cho thấy chương trình đã đạt được những mục tiêu như nâng cao năng lực vận dụng tiếng Nhật, nâng cao khả năng hiểu và lý giải văn hóa môi trường làm việc trong doanh nghiệp Nhật Bản, phát triển các năng lực xã hội như kỹ năng giao tiếp, kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tự học, nâng cao động lực, thái độ của người học và liên kết kiến thức.

- ❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Các tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.
- ❖ **Lời cảm ơn:** Bài báo là sản phẩm của đề tài cấp cơ sở “Áp dụng phương pháp dạy học tích cực trong giảng dạy các học phần tiếng Nhật tại Trường Đại học Ngoại thương”, mã số NTCS2022-29

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Ha An (2024). Chất lượng tu chương trình đào tạo phương thức kinh doanh Nhật Bản. [*The Quality of the Japanese Business Method Training Program*]. <https://giaoducthoidai.vn/chat-luong-tu-chuong-trinh-dao-tao-phuong-thuc-kinh-doanh-nhat-ban>
- Nguyen, L. (2024). 8 doanh nghiệp hàng đầu Nhật Bản tham gia giảng dạy tại Trường ĐH Ngoại thương. [*Eight Leading Japanese Enterprises Participate in Teaching at Foreign Trade University*]. <https://daibieunhandan.vn/giao-duc--y-te1/-8-doanh-nghiep-hang-dau-nhat-ban-tham-gia-giang-day-tai-truong-dh-ngoai-thuong--i362992/?fbclid=IwAR0LnN1XR48skFmF4OziN5ZKJn7ZD-2IMKO5PI-SDDoPBYSOB1b53VFqaCE>

- The National Assembly. (2018). *Luat so 34/2018/QH14 cua Quoc hoi: Luat sua doi, bo sung mot so dieu cua Luat Giao duc dai hoc* [Law No. 34/2018/QH14 of the National Assembly: Law amending and supplementing certain articles of the Law on Higher Education].
- Communist Party of Vietnam. (2013). Nghi quyet so 29-NQ/TW ngay 4/11/2013 Hoi nghi Trung uong 8 khoa XI ve doi moi can ban, toan dien giao duc va dao tao [Resolution No. 29-NQ/TW dated November 4, 2013, of the 8th Plenum of the 11th Central Committee on Fundamental and Comprehensive Innovation in Education and Training].
- Richards, J.C. & Rodgers, T.S. (2002). *Approaches and Methods in Language Teaching*. United Kigdom, Cambrigde University Press
- Tohsaku, Y.H. (2013). *NIPPON3.0 prescription*. Kodansha (當作靖彦(2013) 『NIPPON3.0 の処方箋』 講談社)
- Tohsaku, Y.H. (2017). Connected Japanese language education in the global era:social networking approach. *Journal CAJLE*, 18 (當作靖彦(2017) 「グローバル時代のつながる日本語教育：ソーシャルネットワーキングアプローチ」 *Journal CAJLE*, 18 post675302.html?fbclid=IwAR1wQnP1I0a_MAjZcW3zfXGuctf6b1QaYK5gjMOqALj3HEWEq2gtO6obFC4
- Vy Anh (2024). Day manh hop tac giua Truong Dai hoc Ngoai thuong va cac doanh nghiep Nhat Ban. [Strengthening Cooperation Between Foreign Trade University and Japanese Enterprises]. <https://dangcongsan.vn/giao-duc/day-manh-hop-tac-giua-truong-dh-ngoai-thuong-va-cac-doanh-nghiep-nhat-ban-661240.html>

**COLLABORATING WITH BUSINESSES TO IMPROVE PRACTICALITY
IN BUSINESS JAPANESE EDUCATION**

Nguyen Thi Bich Hue^{1*}, *Cao Le Dung Chi*², *Bui Duc Anh*¹

¹*Foreign Trade University, Vietnam*

²*Ho Chi Minh City University of Education, Vietnam*

**Corresponding author: Nguyen Thi Bich Hue – Email: bichhuejp@ftu.edu.vn*

Received: April 18, 2024; Revised: June 06, 2024; Accepted: August 20, 2024

ABSTRACT

Collaborating schools and businesses in education and human resource development to address societal demands is an inevitable trend. This aligns with national policy promoting such collaborations, encouraging businesses to contribute to training quality (Resolution No. 29-NQ/TW; Law on Higher Education No. 34/2018/QH14). This research was conducted with data collected from a survey of students of K59 majoring in business Japanese and the analysis of reports about the collaboration between the Foreign Trade University's Japanese Language Department and Japanese companies. The results show that collaboration with Japanese businesses using a social network approach (SNA) effectively enhanced teaching practicality, including improved language proficiency, cultural understanding, and social/networking skills for students. The study also proposes recommendations for optimizing the university-business collaboration during the training process.

Keywords: business Japanese; practicality; project-based learning; university-business collaboration